VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ

Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 27/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Luật thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

Chính phủ ban hành Nghị định về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ[1].

---

[1] Nghị định số 27/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ."

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động của cơ quan thực hiện chức năng thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ; thanh tra viên, công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành và cộng tác viên thanh tra của cơ quan thực hiện chức năng thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Đối tượng thanh tra

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có nghĩa vụ chấp hành quy định pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 3. Áp dụng điều ước quốc tế

Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia có quy định khác về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành khoa học và công nghệ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.

Chương II
TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN THỰC HIỆN CHỨC NĂNG THANH TRA NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 4. Cơ quan thực hiện chức năng thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ

1. Cơ quan thanh tra nhà nước:

a) Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi là Thanh tra Bộ);

b) Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi là Thanh tra Sở).

2. Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành:

a) Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

b) Cục An toàn bức xạ và hạt nhân.

c)[2] Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ

Thanh tra Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 18 của Luật thanh tra và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Xây dựng và ban hành Hướng dẫn Kế hoạch thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ hàng năm.

2. Kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch thanh tra của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ.

3. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho thanh tra viên, công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ.

4. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân thực hiện quy định của pháp luật về thanh tra.

5. Tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác thanh tra ngành khoa học và công nghệ.

6. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ

Chánh Thanh tra Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 19 của Luật thanh tra và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Tổng Thanh tra Chính phủ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

2. Thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra.

3. Trưng tập công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia hoạt động thanh tra.

4. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Sở

Thanh tra Sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 24 của Luật thanh tra và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

---

[2] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 27/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

1. Hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho thanh tra viên, công chức làm công tác thanh tra thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra.

3. Tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Sở

Chánh Thanh tra Sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 25 của Luật thanh tra và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Báo cáo Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chánh Thanh tra tỉnh, Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

2. Trưng tập công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị liên quan tham gia hoạt động thanh tra.

3. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Cục An toàn bức xạ và hạt nhân và Cục trưởng Cục An toàn bức xạ và hạt nhân; Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng[3]

1. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (sau đây gọi là Tổng cục) và Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (sau đây gọi là Tổng cục trưởng); Cục An toàn bức xạ và hạt nhân (sau đây gọi là Cục) và Cục trưởng Cục An toàn bức xạ và hạt nhân (sau đây gọi là Cục trưởng); Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (sau đây gọi là Chi cục) và Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (sau đây gọi là Chi cục trưởng) thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành.

---

[3] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 27/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

2. Chi cục trưởng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính tương ứng với thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chánh thanh tra Sở theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 10. Bộ phận tham mưu công tác thanh tra chuyên ngành tại Tổng cục

1. Bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành tại Tổng cục được tổ chức theo mô hình Vụ.

2. Bộ phận tham mưu có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra của Tổng cục;

b) Giúp Tổng cục trưởng triển khai các hoạt động thanh tra thuộc thẩm quyền của Tổng cục trưởng;

c) Tham gia thanh tra theo kế hoạch, thanh tra thường xuyên và thanh tra đột xuất khi được Tổng cục trưởng giao;

d) Tổng hợp, xây dựng báo cáo của Tổng cục về kết quả công tác thanh tra chuyên ngành, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật;

đ) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Tổng cục trưởng;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng cục trưởng giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 10a. Bộ phận tham mưu công tác thanh tra chuyên ngành tại Chi cục[4]

Bộ phận tham mưu về công tác thanh tra tại Chi cục thuộc phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Chi cục do Chi cục trưởng phân công. Bộ phận tham mưu về công tác thanh tra của Chi cục có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra của Chi cục.

2. Giúp Chi cục trưởng triển khai các hoạt động thanh tra thuộc thẩm quyền của Chi cục trưởng.

---

[4] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 27/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

3. Tham gia thanh tra theo kế hoạch, thanh tra thường xuyên và thanh tra đột xuất khi được Chi cục trưởng giao.

4. Tổng hợp, xây dựng báo cáo của Chi cục về kết quả công tác thanh tra chuyên ngành, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng gửi về Thanh tra Sở, Tổng cục theo quy định của pháp luật.

5. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Chi cục trưởng.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chi cục trưởng giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thanh tra Cục An toàn bức xạ và hạt nhân

1. Thanh tra Cục An toàn bức xạ và hạt nhân (sau đây gọi là Thanh tra Cục) là tổ chức tham mưu giúp Cục trưởng triển khai hoạt động thanh tra chuyên ngành và thực hiện hoạt động thanh tra chuyên ngành khi được Cục trưởng giao trong phạm vi thẩm quyền của Cục.

2. Thanh tra Cục có Chánh Thanh tra, Phó Chánh thanh tra và công chức thanh tra.

3. Chánh Thanh tra Cục có thẩm quyền xử phạt theo quy định của pháp luật.

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Thanh tra Cục.

Điều 12. Mối quan hệ phối hợp trong hoạt động thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ

1.[5] Thanh tra Bộ hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ đối với Tổng cục, Cục, Thanh tra Cục, Thanh tra Sở, Chi cục.

2.[6] Tổng cục, Cục, Thanh tra Cục thực hiện sự chỉ đạo về công tác, hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ của Thanh tra Bộ; hỗ trợ Thanh tra Bộ hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ đối với Thanh tra Sở, Chi cục; phối hợp với Thanh tra Sở, Chi cục khi tiến hành hoạt động thanh tra chuyên ngành thuộc thẩm quyền được giao.

---

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 27/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 27/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

3. Thanh tra Sở thực hiện sự hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ của Thanh tra Bộ; cử cán bộ tham gia phối hợp thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ với Thanh tra Bộ, Tổng cục, Cục và Thanh tra Cục khi được đề nghị.

4. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan thực hiện chức năng thanh tra khoa học và công nghệ có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan khác để thực hiện nhiệm vụ thanh tra nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

4a.[7] Chi cục có trách nhiệm thực hiện hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ của Thanh tra Bộ, Thanh tra Sở, Tổng cục; cử cán bộ tham gia phối hợp thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ với Thanh tra Bộ, Tổng cục, Cục, Thanh tra Cục và Thanh tra Sở khi được đề nghị.

Chương III
THANH TRA VIÊN, CÔNG CHỨC THANH TRA CHUYÊN NGÀNH VÀ CỘNG TÁC VIÊN THANH TRA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 13. Thanh tra viên ngành Khoa học và Công nghệ

1. Thanh tra viên ngành Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi chung là thanh tra viên) là công chức của Thanh tra Bộ, Thanh tra Sở được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra và các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chánh Thanh tra Bộ, Chánh Thanh tra Sở. Thanh tra viên được cấp trang phục, thẻ thanh tra

2. Thanh tra viên phải tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra Bộ, Chánh Thanh tra Sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Tiêu chuẩn các ngạch thanh tra viên; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm thanh tra viên và điều kiện bảo đảm hoạt động đối với thanh tra viên thực hiện theo quy định của pháp luật.

---

[7] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 27/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

Điều 14. Công chức thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ

1. Công chức thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ phải có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP và các tiêu chuẩn cụ thể do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định.

2. Công chức thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ được cấp thẻ và trang phục của công chức thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ. Thẻ và trang phục của công chức thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định.

3.[8] Công chức thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ chỉ sử dụng thẻ và trang phục được cấp khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành theo quy định pháp luật.

4. Công chức thanh tra chuyên ngành được hưởng chế độ bồi dưỡng theo quy định của pháp luật khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

5. Khi tiến hành thanh tra, công chức thanh tra chuyên ngành khoa học được xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Cộng tác viên thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ

1. Cộng tác viên thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ là người có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ thanh tra, được Thanh tra Bộ, Thanh tra Cục, Thanh tra Sở trưng tập tham gia Đoàn thanh tra.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ đối với cộng tác viên thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương IV
HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN THỰC HIỆN CHỨC NĂNG THANH TRA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 16. Hoạt động thanh tra hành chính

1. Hoạt động thanh tra hành chính do cơ quan thanh tra nhà nước về khoa học và công nghệ tiến hành trong phạm vi quản lý, điều hành của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

---

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 27/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

2. Hoạt động thanh tra hành chính thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương IV Luật thanh tra, Mục 1 Chương III Nghị định số 86/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thanh tra (sau đây gọi là Nghị định số 86/2011/NĐ-CP).

Điều 17. Nội dung hoạt động thanh tra hành chính

Nội dung hoạt động thanh tra hành chính là thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ được giao đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng hoặc Giám đốc Sở và thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với cơ quan, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ trưởng, Giám đốc Sở.

Điều 18. Hoạt động thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ

1. Hoạt động thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ do các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra khoa học và công nghệ tiến hành đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện pháp luật của nhà nước về khoa học và công nghệ.

2. Hoạt động thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương IV Luật thanh tra, Chương III Nghị định số 07/2012/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 19. Nội dung thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ

1. Nội dung thanh tra chuyên ngành của Cục và Thanh tra Cục bao gồm:

a) Hoạt động khai báo và việc thực hiện quy định về giấy phép tiến hành công việc bức xạ;

b) Việc thực hiện quy định về an toàn và kiểm soát bức xạ của cơ sở bức xạ, trách nhiệm của người quản lý cơ sở bức xạ, người phụ trách an toàn bức xạ, nhân viên làm việc với bức xạ và các hoạt động khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước về an toàn và kiểm soát bức xạ;

c) Việc bảo đảm an toàn hạt nhân đối với các cơ sở hạt nhân trong lựa chọn địa điểm, thiết kế, chế tạo, xây dựng, vận hành, tổ chức tháo dỡ của cơ sở hạt nhân, nhà máy điện hạt nhân;

d) Việc thực hiện các hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử trong lĩnh vực an toàn bức xạ và an toàn hạt nhân bao gồm việc đăng ký dịch vụ, chứng chỉ hành nghề, các điều kiện dịch vụ, việc thực hiện hoạt động dịch vụ theo đúng nội dung đã đăng ký.

2. Nội dung thanh tra chuyên ngành của Tổng cục bao gồm:

a) Hoạt động về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động đánh giá sự phù hợp; hoạt động công nhận các tổ chức đánh giá

sự phù hợp và các hoạt động khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

b) Hoạt động sử dụng đơn vị đo; giữ, duy trì, bảo quản chuẩn đo lường; sản xuất, nhập khẩu, lưu thông, sử dụng phương tiện đo, chuẩn đo lường; kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; sản xuất, nhập khẩu, lưu thông hàng đóng gói sẵn; thực hiện phép đo và các hoạt động khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước về đo lường.

3. Nội dung thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Bộ bao gồm:

a) Nội dung thanh tra quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này;

b) Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; sử dụng, phổ biến kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; đăng ký và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ; đăng ký, công bố, giao nộp kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; đăng ký, quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ; đặt và tặng giải thưởng khoa học và công nghệ; các hoạt động khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ;

c) Hoạt động chuyển giao công nghệ; hoạt động cung ứng và sử dụng dịch vụ tư vấn về chuyển giao công nghệ; đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ; đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ và các hoạt động khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước về chuyển giao công nghệ;

d) Hoạt động xác lập, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp; hoạt động dịch vụ tư vấn sở hữu công nghiệp, hoạt động kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, hoạt động giám định sở hữu công nghiệp và các hoạt động khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp;

e) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định khác của pháp luật trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

4. Thanh tra Sở tiến hành thanh tra, thanh tra lại các nội dung quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này trong phạm vi thẩm quyền quản lý nhà nước được phân cấp của Sở Khoa học và Công nghệ.

5.[9] Chi cục tiến hành thanh tra các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này trong phạm vi thẩm quyền quản lý nhà nước được phân cấp.

---

[9] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 27/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

Điều 20. Xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra

1. Kế hoạch thanh tra của cơ quan cấp dưới nếu có sự chồng chéo với kế hoạch thanh tra của cơ quan cấp trên thì thực hiện theo kế hoạch thanh tra của cơ quan thanh tra cấp trên.

2. Chánh Thanh tra Bộ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Chánh Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ giải quyết việc chồng chéo trong hoạt động thanh tra ngành khoa học công nghệ; phối hợp với Chánh Thanh tra tỉnh giải quyết việc chồng chéo trong hoạt động thanh tra ngành khoa học và công nghệ với các cơ quan thanh tra của địa phương; trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định khi cần thiết.

3. Chánh Thanh tra Sở báo cáo Chánh Thanh tra tỉnh xử lý việc chồng chéo trong hoạt động thanh tra với các cơ quan thanh tra của địa phương. Trường hợp chồng chéo với cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ thì phối hợp xử lý; báo cáo Chánh Thanh tra Bộ xem xét, quyết định khi cần thiết.

3a.[10] Chi cục trưởng báo cáo Chánh thanh tra Sở xử lý việc chồng chéo trong hoạt động thanh tra chuyên ngành với các cơ quan thanh tra chuyên ngành của địa phương.

4. Tổng cục trưởng, Cục trưởng có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan trong ngành xử lý chồng chéo phát sinh; báo cáo Chánh Thanh tra Bộ xem xét, quyết định khi cần thiết.

Điều 21. Hình thức, thời hạn thanh tra

1. Hình thức thanh tra được thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật thanh tra.

2. Thời hạn thanh tra được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP.

Điều 22. Thanh tra lại các kết luận thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ

1. Chánh Thanh tra Bộ quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Tổng cục trưởng, Cục trưởng và Chánh Thanh tra Cục khi được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao.

---

[10] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 27/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

1a.[11] Chánh Thanh tra Sở quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Chi cục trưởng thuộc Sở kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật khi được Giám đốc Sở giao.

2. Quyết định thanh tra lại bao gồm các nội dung được quy định tại Khoản 1 Điều 52 Luật thanh tra.

3. Việc tiến hành thanh tra lại thực hiện theo quy định của Luật thanh tra, Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và Nghị định số 07/2012/NĐ-CP.

4. Kết luận thanh tra lại của Chánh Thanh tra Bộ được gửi tới Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Thanh tra Chính phủ.

Điều 23. Xây dựng và phê duyệt kế hoạch thanh tra

1. Đối với hoạt động thanh tra hành chính, việc xây dựng và phê duyệt kế hoạch thanh tra được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật thanh tra.

2. Đối với hoạt động thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ, việc xây dựng và phê duyệt kế hoạch thanh tra được thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP, cụ thể:

a) Chậm nhất vào ngày 15 tháng 10 hàng năm, Thanh tra Bộ căn cứ vào định hướng chương trình thanh tra, hướng dẫn của Tổng Thanh tra Chính phủ, yêu cầu công tác quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, có trách nhiệm hướng dẫn và định hướng xây dựng kế hoạch thanh tra của Tổng cục, Cục;

b) Chậm nhất vào ngày 01 tháng 11 hàng năm, Tổng cục, Cục căn cứ vào yêu cầu quản lý của mình và hướng dẫn của Thanh tra Bộ, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thanh tra, gửi Thanh tra Bộ để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

c) Chậm nhất vào ngày 15 tháng 11 hàng năm, căn cứ vào định hướng và hướng dẫn của Tổng Thanh tra Chính phủ, yêu cầu công tác quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, Thanh tra Bộ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thanh tra của Thanh tra Bộ và tổng hợp kế hoạch thanh tra chuyên ngành của Tổng cục, Cục trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt;

---

[11] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 27/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt kế hoạch thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ của các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành của Bộ Khoa học và Công nghệ chậm nhất vào ngày 25 tháng 11 hàng năm;

d)[12] Chậm nhất ngày 20 tháng 11 hàng năm, Chi cục căn cứ định hướng thanh tra của ngành tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và yêu cầu công tác quản lý của Chi cục có trách nhiệm xây dựng và gửi kế hoạch thanh tra đến Thanh tra Sở để tổng hợp, báo cáo Giám đốc Sở.

Chậm nhất vào ngày 05 tháng 12 hàng năm, căn cứ vào định hướng thanh tra của ngành khoa học và công nghệ và yêu cầu quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ, Thanh tra Sở có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thanh tra của Thanh tra Sở và tổng hợp kế hoạch thanh tra chuyên ngành của Chi cục, trình Giám đốc Sở xem xét, phê duyệt.

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét, phê duyệt kế hoạch thanh tra của Sở chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hàng năm;

đ) Tùy thuộc tính chất, mức độ, phạm vi và thời gian các cuộc thanh tra, người ra quyết định thanh tra quyết định việc gửi Kế hoạch thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ được phê duyệt theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều này cho đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Chương V
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG THANH TRA NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 24. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động thanh tra trong phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

---

[12] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 27/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

b) Chỉ đạo việc xây dựng và phê duyệt chương trình, kế hoạch thanh tra;

c) Xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị về công tác thanh tra;

d) Kiện toàn tổ chức, bố trí cán bộ có năng lực và phẩm chất làm công tác thanh tra khoa học và công nghệ; tổ chức, chỉ đạo và bảo đảm điều kiện hoạt động cho công tác thanh tra khoa học và công nghệ;

đ) Bảo đảm kinh phí, điều kiện làm việc cho các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra khoa học và công nghệ;

e) Định kỳ yêu cầu cơ quan thuộc quyền quản lý báo cáo và báo cáo định kỳ với cơ quan quản lý nhà nước cấp trên về công tác thanh tra. Giải quyết kịp thời những vấn đề khó khăn, vướng mắc về công tác thanh tra; xử lý vấn đề chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra thuộc phạm vi quản lý của mình;

g) Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2.[13] Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ bảo đảm kinh phí, trang phục và các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động của Thanh tra Sở và Chi cục.

3. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động thanh tra trong phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Thực hiện trách nhiệm quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều này trong phạm vi thẩm quyền quản lý của Sở.

4. Tổng cục trưởng có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động, kiện toàn tổ chức của bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành tại Tổng cục; bảo đảm các điều kiện về kinh phí, trang bị kỹ thuật, trang phục và các điều kiện cần thiết khác phục vụ hoạt động của bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành tại Tổng cục.

5. Cục trưởng có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động, kiện toàn tổ chức Thanh tra Cục; bảo đảm các điều kiện về kinh phí, trang bị kỹ thuật, trang phục và các điều kiện cần thiết khác phục vụ hoạt động của Thanh tra Cục.

---

[13] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 27/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

6.[14] Chi cục trưởng có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động thanh tra chuyên ngành của Chi cục; bảo đảm các điều kiện về kinh phí, trang bị kỹ thuật, trang phục và các điều kiện cần thiết khác phục vụ hoạt động thanh tra chuyên ngành của Chi cục.

Điều 25. Trách nhiệm và quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Trách nhiệm và quyền của các cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Luật thanh tra.

2.[15] Cơ quan, tổ chức, cá nhân không thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều này khi nhận được yêu cầu, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Bộ Khoa học và Công nghệ, Thanh tra Bộ, Sở Khoa học và Công nghệ, Thanh tra Sở, Tổng cục, Cục, Thanh tra Cục, Chi cục có trách nhiệm thực hiện và trả lời bằng văn bản về việc thực hiện yêu cầu, kiến nghị, quyết định xử lý đó.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành[16]

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2014, thay thế Nghị định số 87/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2006 về tổ chức và hoạt động của thanh tra khoa học và công nghệ.

---

[14] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 27/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

[15] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Nghị định số 27/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

[16] Điều 2 của Nghị định số 27/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017 quy định như sau:

*"**Điều 2. Điều khoản thi hành***

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./."

Điều 27. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: 02/VBHN-BKHCN

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2017

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Việt Thanh